

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ II NĂM 2008

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	297,871,611,584	305,906,905,658	564,533,707,791	514,253,403,030
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3,315,668,113	784,017,827	4,595,463,741	1,963,180,209
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		294,555,943,471	305,122,887,831	559,938,244,050	512,290,222,821
4. Giá vốn hàng bán	11	V.27	233,812,290,522	240,332,459,824	451,336,071,700	398,481,059,927
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60,743,652,949	64,790,428,007	108,602,172,350	113,809,162,894
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.26	12,077,644,233	1,537,224,524	16,105,343,310	4,628,005,724
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	V.28	34,268,939,100	8,862,374,600	48,056,312,400	15,428,680,400
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>7,332,612,100</i>	<i>5,210,659,400</i>	<i>16,362,647,000</i>	<i>10,170,193,600</i>
8. Chi phí bán hàng	24		12,076,477,598	7,018,062,261	19,371,909,713	13,351,362,183
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29,381,007,785	30,016,692,648	49,148,303,838	53,451,954,855
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2,905,127,301)	20,430,523,022	8,130,989,709	36,205,171,180
11. Thu nhập khác	31		334,842,379	427,652,500	1,202,167,192	711,813,200
12. Chi phí khác	32		134,756,900		134,756,900	5,373,600
13. Lợi nhuận khác	40		200,085,479	427,652,500	1,067,410,292	706,439,600
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2,705,041,822)	20,858,175,522	9,198,400,001	36,911,610,780
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	-	1,564,363,164	689,880,000	2,768,370,809
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2,705,041,822)	19,293,812,358	8,508,520,001	34,143,239,972
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(81)	644	253	1,139

Ngày 30 tháng 6 năm 2008